TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS-ST
Ngày 13-07-2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Công Tồn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Ngô Thị Thao
Ông Ksor Thưl

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Kiều T**,** sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 479 đường Nguyễn Chí Thanh, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị Hồng T1, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà 39 đường An Dương Vương, tổ 03 phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 05-11-2020 và tại bản tự khai ngày 16-4-2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Kiều T trình bày:

Vào ngày 09-12-2016 dương lịch, bà Võ Thị Hồng T1 có vay của bà số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận tính theo ngân hàng. Đến ngày 19-5-2018 âm lịch, tức là ngày 02-7-2018 dương lịch bà T1 vay thêm của bà số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà T1 đã vay của bà là 100.000.000 đồng, cả hai lần vay tiền đều viết giấy vay tiền, mục đích là để sử dụng trong cuộc sống, thời gian vay không giới hạn, bà T1 nói khi nào cần thì báo trước trong vòng 10 ngày bà T1 sẽ hoàn trả đủ cho bà. Đến ngày 20-11-2018 bà có đến báo bà T1 để lấy lại tiền như đã cam kết trong 02 giấy vay tiền trên nhưng bà T1 cứ khất lần, chây ì và tìm

đủ mọi cách, và nêu nhiều lý do để không trả tiền cho bà T. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ trả số tiền đã vay là 100.000.000 đồng cho bà. Bà T không yêu cầu về tiền lãi.

Tại phiên tòa bà T khai rằng giữa bà và bà T1 là chỗ quen biết nên việc cho vay mặc dù không có thỏa thuận về mức lãi suất, nhưng ngầm hiểu có trả lãi và từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 11 năm 2018 bà đã nhận của bà T1 10.000.000 đồng tiền lãi nhưng không có tài liệu chứng minh, khi bà cần tiền có báo cho bà T1 biết để đòi lại số tiền nợ, nhưng bà T1 không trả, nên bà đã yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà T1 phải trả cho bà số tiền gốc 100.000.000 đồng mà bà đã cho bà T1 vay, bà không yêu cầu tính lãi.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn bà Võ Thị Hồng T1. Tuy nhiên, bà Võ Thị Hồng T1 không đến Toà án để tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà T đều vắng mặt, nên không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên toà.

3. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 274, 278, 280, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Kiều T khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Võ Thị Hồng T1 có nơi cư trú tại số nhà 39 đường An Dương Vương, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà Võ Thị Hồng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn bà Võ Thị Hồng T1.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là các "Giấy mượn tiền" ngày 09/12/2016 dương lịch có chữ ký, họ và tên Võ Thị Hồng T1 và "Giấy mượn tiền" ngày 09-5-2018 âm lịch có chữ ký người nhận tiền, họ và tên Võ Thị Hồng T1 và người giao tiền Võ Thị Kiều T. Theo đó, bà T có cho bà T1 vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 09/12/2016 dương lịch, thỏa thuận khi nào cần lấy lại tiền bà T báo trước cho bà T1 10 ngày, bà T1 sẽ hoàn trả đủ tiền. Đến ngày 19/5/2018 âm lịch, bà T có cho bà T1 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay tiền chỉ cần báo trước 10 ngày sẽ trả cả vốn lẫn lời. Khi vay các bên có viết "Giấy mượn tiền" và cùng ký xác nhận có việc cho vay và nhận tiền vay, như vậy tổng số tiền 02 lần bà T cho bà T1 vay 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 20/11/2018 bà T có đến báo cho bà T1

để lấy lại tiền như đã cam kết trong 02 giấy vay tiền nhưng bà T1 cứ khất lần, chây ì không trả tiền cho bà T nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 phải trả 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và không yêu cầu tính lãi.

[3] Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn bà Võ Thị Hồng T1 đã được Tòa án tống đạt các thông báo, văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn để cung cấp cho Tòa án. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt không có bản khai, lời khai là mặc nhiên thừa nhận có việc vay tiền tại các thời điểm được thể hiện trong "Giấy mượn tiền" ngày 09/12/2016 dương lịch và "Giấy mượn tiền" ngày 09-5-2018 âm lịch, nên có căn cứ xác định các "Giấy mượn tiền" nguyên đơn cung cấp cho Tòa án để xem xét được nêu trên là đúng sự thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng các bản gốc "Giấy mượn tiền" ngày 09-12-2016 dương lịch và "Giấy mượn tiền" ngày 09-5-2018 âmlịch do nguyên đơn cung cấp đều có chữ ký người nhận tiền Võ Thị Hồng T1, thể hiện bà Võ Thị Hồng T1 có vay của bà T 02 lần với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào cần thì báo trước 10 ngày bị đơn sẽ hoàn trả cho nguyên đơn, nhưng khi nguyên đơn yêu cầu trả nợ thì bị đơn không thực hiện như đã cam kết, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm theo thỏa thuận. Vì vậy, bà Võ Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Hồng T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà T và bà T1 được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã cam kết, do bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Võ Thị Hồng T1 phải trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng cho bà Võ Thị Kiều T theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Tại "Giấy mượn tiền" ngày 09-12-2016 dương lịch thể hiện "*Khi nào cô cần số tiền trên báo trước cho T1 trong vòng 10 ngày T1 sẽ hoàn trả đủ số tiền trên*" và không có thỏa thuận về lãi nên đây là trường hợp vay không kỳ hạn và không có lãi và "Giấy mượn tiền" ngày 09-5-2018 âm lịch thể hiện thời hạn vay tiền chỉ cần báo trước 10 ngày sẽ trả cả vốn lẫn lời. Trong giấy mượn tiền này có thỏa thuận "*sẽ trả cả vốn lẫn lời*" điều này thể hiện là có tính lãi đối với số tiền vay nên đây là trường hợp vay không kỳ hạn và có lãi. Do vây, theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là hợp đồng vay không kỳ hạn.

[7] Về lãi, mức lãi suất: Mặc dù, nguyên đơn trình bày có trả lãi nhưng lãi suất không đáng kể khoảng 10.000.000 đồng trong vòng 02 năm và không có giấy tờ cụ thể chứng minh, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn bà T vẫn xác định không có yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền nợ gốc 100.000.000 đồng mà bà T1 còn nợ bà T, nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều T được chấp nhận, buộc bà Võ Thị Hồng T1 phải trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, nên bị đơn bà Võ Thị Hồng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bản thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 280, 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều T.

Buộc bà Võ Thị Hồng T1 phải trả cho bà Võ Thị Kiều T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Võ Thị Hồng T1 phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Kiều T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Võ Thị Kiều T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005729 ngày 09-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Công Tồn